

Số: 01/2023/QĐ-UBND

Tân Phú Đông, ngày 21 tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở ở xã Tân Phú Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN PHÚ ĐÔNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở Cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;
Theo đề nghị của công chức Văn phòng - Thống kê xã Tân Phú Đông.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thực hiện dân chủ ở cơ sở xã Tân Phú Đông.

Điều 2. Quy chế có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2023; Giao Công chức Văn phòng - Thống kê theo dõi, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân xã theo quy định.

Điều 3. Cán bộ, công chức xã, các đồng chí Trưởng ấp và các tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND TP;
- Phòng Tư pháp;
- TT/Đảng ủy; TT/HĐND xã;
- MTTQVN và các đoàn thể xã;
- Ban nhân dân các ấp;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Sơn

**QUY CHẾ
THỰC HIỆN DÂN CHỦ CƠ SỞ Ở XÃ TÂN PHÚ ĐÔNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 01/2023/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 06 năm 2023 của UBND Xã Tân Phú Đông)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định những nội dung phải công khai để nhân dân biết; những nội dung để nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định; những nội dung nhân dân giám sát; trách nhiệm của chính quyền, cán bộ, công chức xã, ấp, các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan đến thực hiện dân chủ trên địa bàn xã.

2. Đối tượng áp dụng

Tất cả các cá nhân, tổ chức, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã Tân Phú Đông, trừ những trường hợp đặc biệt khác theo quy định pháp luật.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

- Bảo đảm trật tự, kỷ cương, trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.
- Bảo đảm quyền của nhân dân được biết, tham gia ý kiến, quyết định, thực hiện và giám sát việc thực hiện dân chủ ở xã.
- Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ ở cơ sở.
- Công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện dân chủ ở xã.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện quy chế

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tham mưu cho đảng ủy lãnh đạo, chỉ đạo triển khai kế hoạch này, phối hợp Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền cho nhân dân nắm nội dung quy chế này.

Điều 4. Quyền của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Được công khai thông tin và yêu cầu cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.

2. Đề xuất sáng kiến, tham gia ý kiến, bàn và quyết định đối với các nội dung thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Kiểm tra, giám sát, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với các quyết định, hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

4. Được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp trong thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tham gia ý kiến về các nội dung được đưa ra lấy ý kiến ở cơ sở theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Chấp hành quyết định của cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động.

4. Kịp thời kiến nghị, phản ánh, tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

5. Tôn trọng và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Điều 6. Quyền thụ hưởng của công dân

1. Được Nhà nước và pháp luật công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội. Được bảo đảm thực hiện các quyền về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Được thông tin đầy đủ, kịp thời về các quyền và lợi ích hợp pháp, chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội theo quy định của pháp luật và quyết định của chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức ở nơi mình cư trú, công tác, làm việc.

3. Được thụ hưởng thành quả đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội, chế độ an sinh xã hội, sự an toàn, ổn định của đất nước, của địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động và kết quả thực hiện dân chủ ở nơi mình cư trú, công tác, làm việc.

4. Được tạo điều kiện để tham gia học tập, công tác, lao động, sản xuất, kinh doanh, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của bản thân, gia đình và cộng đồng.

Điều 7. Các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; nâng cao nhận thức cộng đồng về việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, vai trò nêu gương của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, đảng viên, cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở xã, áp dụng việc thực hiện dân chủ và bảo đảm thực hiện dân chủ ở

cơ sở; lấy mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở của Ủy ban nhân dân xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

4. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các gương điển hình, có nhiều thành tích trong việc phát huy và tổ chức thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; phát hiện và xử lý nghiêm cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

5. Hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - kỹ thuật, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở phù hợp với tiến trình xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, xã hội số.

Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm trong thực hiện dân chủ ở cơ sở

1. Gây khó khăn, phiền hà hoặc cản trở, đe dọa công dân thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Bao che, cản trở, trù dập hoặc thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo; tiết lộ thông tin về người tố cáo, người cung cấp thông tin về hành vi vi phạm có liên quan đến việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở cơ sở để thực hiện hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở cơ sở để xuyên tạc, vu khống, gây mâu thuẫn, kích động bạo lực, phân biệt giới tính, tôn giáo, dân tộc, gây thiệt hại cho cá nhân, cơ quan, đơn vị, tổ chức.

5. Giả mạo giấy tờ, gian lận hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu, quyết định, tham gia ý kiến của công dân.

Chương II

NỘI DUNG THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

MỤC I. CÔNG KHAI

Điều 9. Những nội dung công khai

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án chuyển dịch cơ cấu kinh tế hằng năm và kết quả thực hiện;

2. Số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch hoạt động tài chính của Ủy ban nhân dân xã, trình Hội đồng nhân dân xã; dự toán ngân sách, kế hoạch hoạt động tài chính đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định; số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã định kỳ theo quý, 06 tháng, hằng năm; quyết toán ngân sách nhà nước và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác đã được Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (nếu có);

3. Dự án, công trình đầu tư trên địa bàn xã và tiến độ thực hiện; kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất để thực hiện dự án, công trình đầu tư trên địa bàn xã Tân Phú Đông; kế hoạch quản lý, sử dụng quỹ đất do Ủy ban nhân dân xã quản lý; kế hoạch cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của địa phương; quy hoạch xây phân khu, quy hoạch xây dựng công trình và điểm dân cư nông thôn; đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được lập cho các khu vực; Dự

thảo đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp đến xã.

4. Quy chế thực hiện dân chủ ở xã; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở xã, ở ấp; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn.

5. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với địa bàn xã; các khoản huy động Nhân dân đóng góp.

6. Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công do Ủy ban nhân dân xã quản lý; tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công.

7. Chủ trương, chính sách, kế hoạch, tiêu chí, đối tượng, quy trình bình xét và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ, trợ cấp, tín dụng để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, phát triển sản xuất, hỗ trợ xây dựng nhà ở, cấp thẻ bảo hiểm y tế và các chính sách an sinh xã hội khác được tổ chức triển khai trên địa bàn.

8. Thông tin về phạm vi, đối tượng, cách thức bình xét, xác định đối tượng, mức hỗ trợ, thời gian, thủ tục thực hiện phân phối các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố, thảm họa hoặc để hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn xã; việc quản lý, sử dụng các nguồn đóng góp, quyên góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài dành cho các đối tượng trên địa bàn xã.

9. Số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn gọi nhập ngũ; danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách công dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; danh sách tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ trên địa bàn xã.

10. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, vi phạm kỷ luật đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách ở xã, ở ấp; kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Trưởng ban của Hội đồng nhân dân xã, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân xã.

11. Kế hoạch lấy ý kiến Nhân dân, nội dung lấy ý kiến, kết quả tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những nội dung mà Ủy ban nhân dân xã đưa ra lấy ý kiến Nhân dân.

12. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do Ủy ban nhân dân xã trực tiếp thu;

13. Các thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, cá nhân do Ủy ban nhân dân xã trực tiếp thực hiện.

Điều 10. Hình thức công khai

1. Công khai bằng hình thức niêm yết và đăng tải trên trang tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã

a) Niêm yết thường xuyên tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

- Quy chế thực hiện dân chủ ở xã.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức xã trực tiếp giải quyết các công việc của nhân dân.

- Các quy định của pháp luật về thủ tục hành chính, giải quyết các công việc liên quan đến nhân dân do Ủy ban nhân dân xã trực tiếp thực hiện.

b) Niêm yết tối thiểu 30 ngày liên tục

- Dự án, công trình đầu tư và thứ tự ưu tiên, tiến độ thực hiện; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh, quy hoạch khu dân cư trên địa bàn.

- Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do Ủy ban nhân dân xã trực tiếp thu.

c) Thời điểm niêm yết

- Chậm nhất là 2 ngày kể từ ngày văn bản được thông qua, ký ban hành đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân xã.

- Kể từ ngày nhận được văn bản đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan Nhà nước cấp trên.

d) Địa điểm niêm yết

- Tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã.

- Nhà văn hóa ấp, Tổ nhân dân tự quản.

- Điểm sinh hoạt cộng đồng.

2. Công khai trên hệ thống truyền thanh và thông qua trưởng ấp, Tổ nhân dân tự quản để thông báo đến nhân dân; đăng tải trên trang tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã.

a) Nội dung công khai

- Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án; các khoản huy động nhân dân đóng góp.

- Chủ trương, kế hoạch vay vốn cho nhân dân để phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo; phương thức và kết quả bình xét hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất, trợ cấp xã hội, xây dựng nhà tình thương; cấp thẻ BHYT.

- Dự thảo đề án thành lập mới, nhập, chia tách đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp tới xã (nếu có).

- Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ, công chức, của cán bộ thôn, bản, tổ dân phố (nếu có); kết quả lấy phiếu tín nhiệm Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

- Nội dung và kết quả tiếp thu ý kiến của nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của xã mà Ủy ban nhân dân xã đưa ra lấy ý kiến nhân dân theo quy định.

- Những nội dung khác cần phải lấy ý kiến nhân dân theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Ủy ban nhân dân xã thấy cần thiết.

b) Thời gian công khai

- Thời điểm công khai:

+ Chậm nhất là 2 ngày kể từ ngày văn bản được thông qua, ký ban hành đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định Ủy ban nhân dân xã.

+ Kể từ ngày nhận được văn bản đối với những việc thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan Nhà nước cấp trên.

- Thời gian công khai trên hệ thống truyền thanh cấp xã: 03 ngày liên tục, vào buổi sáng và chiều tối.

3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung công khai

a) Ủy ban nhân dân xã ban hành kế hoạch công khai của từng năm vào tháng 01 của năm công khai.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm triển khai kế hoạch công khai.

c) Ủy ban nhân dân xã báo cáo kết quả công khai hằng năm tại kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất.

MỤC II. NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH TRƯỚC KHI CẤP CÓ THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH

Điều 11. Nhân dân bàn và quyết định trực tiếp

1. Nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp

- Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng trong phạm vi của xã, áp do nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí.

- Các công việc khác trong nội bộ cộng đồng dân cư phù hợp với quy định của pháp luật (địa phương cụ thể hóa các nội dung công việc ở cộng đồng dân cư nhân dân bàn và quyết định trực tiếp).

2. Hình thức nhân dân bàn và quyết định trực tiếp

- Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng ấp, Tổ nhân dân tự quản.

- Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

3. Thẩm quyền lựa chọn hình thức để nhân dân bàn và quyết định trực tiếp.

- Các công việc trong phạm vi ấp: Trưởng ấp thống nhất với Trưởng ban công tác mặt trận quyết định.

- Các công việc trong phạm vi của xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã quyết định lựa chọn.

4. Giá trị thi hành đối với những việc nhân dân bàn và quyết định trực tiếp.

- Nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong ấp hoặc trong toàn xã tán thành thì có giá trị thi hành.

- Nhân dân có trách nhiệm tham gia và quyết định các công việc của thôn, bản, tổ dân phố và của địa phương theo quy định của pháp luật; chấp hành và thực hiện các quyết định đã có giá trị thi hành.

5. Trách nhiệm giải trình, vận động nhân dân, Ủy ban nhân dân xã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tuyên truyền, vận động, thuyết phục những cử tri, hộ gia đình chưa tán thành chấp hành và thực hiện các quyết định đã có giá trị thi hành.

Điều 12. Nhân dân bàn, biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định

1. Những nội dung nhân dân bàn, biểu quyết

- Quy ước, hương ước trên địa bàn các ấp.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trưởng ấp.
- Bầu, bãi nhiệm thành viên ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư cộng đồng.

2. Hình thức nhân dân bàn, biểu quyết

- Tổ chức cuộc họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng ấp.
- Phát phiếu lấy ý kiến tới cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

3. Giá trị thi hành và công nhận đối với những việc nhân dân biểu quyết

- Việc công nhận quy ước, hương ước của ấp nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong ấp tán thành, có giá trị thi hành sau khi Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định công nhận.

- Việc bầu, bãi nhiệm thành viên ban thanh tra nhân dân, ban giám sát đầu tư của cộng đồng, nếu có trên 50% tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì có giá trị thi hành sau khi được Ủy ban mặt trận Tổ quốc xã công nhận.

Điều 13. Nghị quyết của cộng đồng dân cư

1. Quyết định của Nhân dân tại cộng đồng dân cư được ban hành dưới hình thức văn bản là Nghị quyết của cộng đồng dân cư.

2. Nghị quyết của cộng đồng dân cư gồm các nội dung sau:

- a. Thời gian Nhân dân bàn và quyết định.
- b. Thành phần biểu quyết.
- c. Hình thức biểu quyết.
- d. Kết quả biểu quyết.
- đ. Nội dung Nghị quyết của cộng đồng dân cư.
- e. Chữ ký của Trưởng ấp, Trưởng ban công tác Mặt trận ấp và đại diện cử tri.

MỤC III. NHÂN DÂN THAM GIA Ý KIẾN

Điều 14. Nhân dân tham gia ý kiến

1. Nội dung nhân dân tham gia ý kiến

- Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới và phương án phát triển ngành nghề của xã.

- Dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất của xã.

- Dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn xã; chủ trương, phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, tái định cư; phương án quy hoạch khu dân cư.

- Dự thảo đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính liên quan trực tiếp đến xã.

- Những nội dung khác cần phải lấy ý kiến nhân dân theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Ủy ban nhân dân xã thấy cần thiết.

2. Hình thức để nhân dân tham gia ý kiến

- Họp cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình theo địa bàn từng ấp.

- Phát phiếu lấy ý kiến cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

- Thông qua hòm thư góp ý.

3. Trách nhiệm thực hiện

- Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm lập, thông qua kế hoạch để lấy ý kiến nhân dân; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cùng cấp tổ chức thực hiện kế hoạch đã được thông qua.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức lấy ý kiến, tổng hợp ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

- Ủy ban nhân dân xã báo cáo Hội đồng nhân dân xã về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung đưa ra lấy ý kiến nhân dân tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân.

4. Trách nhiệm giải trình, vận động nhân dân

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã nghiên cứu tiếp thu ý kiến và thông báo với nhân dân về tiếp thu ý kiến của cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình.

- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã quyết định các nội dung khác với ý kiến của đa số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình, thì phải nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về quyết định của mình; phối hợp với khối dân vận, tổ dân vận, mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tuyên truyền, vận động, thuyết phục những cử tri, hộ gia đình chưa tán thành chấp hành và thực hiện các quyết định đã có giá trị thi hành.

MỤC IV. NHÂN DÂN GIÁM SÁT, KIỂM TRA

Điều 15. Những nội dung nhân dân giám sát, kiểm tra

1. Những nội dung công khai.

2. Nội dung nhân dân bàn và quyết định trực tiếp.

3. Những nội dung nhân dân bàn, biểu quyết.

4. Những nội dung nhân dân tham gia ý kiến.

Điều 16. Hình thức để nhân dân giám sát, kiểm tra

1. Nhân dân thực hiện việc giám sát thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

2. Nhân dân trực tiếp thực hiện việc giám sát thông qua quyền kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc kiến nghị thông qua Ủy

ban mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 17. Trách nhiệm thực hiện

Trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan tổ chức, cá nhân có trách nhiệm sau đây:

1. Xem xét, giải quyết và trả lời kịp thời các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của công dân, kiến nghị của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng, của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp xã hoặc báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình.

2. Xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng hoặc người có hành vi trả thù, trù dập công dân kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Cán bộ, công chức xã, các Trưởng ấp; các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện quy chế này, trong quá trình thực hiện có phát sinh, vướng mắc kịp thời thông tin đến Ủy ban nhân dân xã để bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương./.